

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - H Pc**

Bản án số: 07/2020/DSST
Ngày 16-6-2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Bà Hoàng Thị Gấm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê: Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Lưu Xuân C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số nhà 002a, phố T, tổ 11, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2 - Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: khu g, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Lưu Xuân C trình bày: Ngày 06/01/2021 ông Nguyễn Văn T đến nhà ông hỏi vay số tiền 115.000.000 đồng, ông T viết

giấy vay nợ cho ông C cùng ngày và hẹn đến ngày 10/01/2021 thì trả tiền cho ông C nếu để quá hạn thì ông T phải trả lãi theo quy định của pháp luật, lãi suất hai bên thoả thuận bằng lời nói không ghi trong giấy vay nợ.

Ngày 26/01/2021 ông T chuyển khoản trả cho ông C số tiền 20.000.000 đồng, ngày 07/02/2021 ông T tiếp tục chuyển khoản trả cho ông C số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng ông T đã trả cho ông C được 30.000.000 đồng, ông T còn nợ ông C số tiền 85.000.000 đồng.

Kể từ khi vay đến nay ông T chưa lần nào trả lãi cho ông C theo thoả thuận. Từ tháng 02/2021 đến nay ông C liên tục gọi điện thoại cho ông T yêu cầu trả số tiền còn lại nhưng ông T khất rất nhiều lần, các lần sau ông C gọi điện thoại thì ông T không nghe điện thoại, không thiện chí trả nợ cho ông C.

Nay ông C yêu cầu Tòa án buộc ông T trả cho ông số tiền gốc 85.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 11/01/2021 đến ngày khởi kiện là 20%/năm x 10 tháng = 13.600.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 98.600.000 đồng. Việc vay nợ giữa ông C và ông Nguyễn Văn T là vay cá nhân với nhau, vợ ông là bà Lương Thị T không biết, ông đề nghị Tòa án không đưa bà T vào tham gia tố tụng trong vụ án. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

- Theo hồ sơ vụ án bị đơn ông T trình bày: Do quen biết và là bạn chơi với nhau nên ngày 06/01/2021 ông T có vay ông Lưu Xuân C số tiền 115.000.000 đồng, không lãi suất, ông có viết giấy biên nhận vay tiền mặt với ông C vào ngày 06/01/2021, không thoả thuận trả tiền lãi, và hẹn ông C đến ngày 01/10/2021 thì trả tiền cho ông C. Vào các ngày 26/01/2021 và 07/02/2021 ông T đã trả được cho ông C 02 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, còn nợ lại ông C 85.000.000 đồng. Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông trả tiền gốc 85.000.000 đồng và chỉ nhất trí trả lãi xuất theo quy định của pháp luật kể từ khi vay tiền đến khi Tòa án xét xử ông T nhất trí, ông không nhất trí với mức lãi suất 20%/ năm mà ông C đưa ra vì ông T và ông C khi viết giấy chỉ viết vay nợ số tiền gốc. Hiện tại ông rất khó khăn về kinh tế, nợ nhiều nên đề nghị ông C cho ông xin phần lãi, ông không yêu cầu gì khác. Việc vay nợ của ông T với ông C là khoản vay để giải quyết việc cá nhân của ông T không liên quan tới bà Hoa và bà T.

- Bà Lương Thị T là vợ ông C, bà Nguyễn Thị Hoa là vợ ông T đều trình bày: Các bà không biết gì về khoản nợ của ông C và ông T vì đây là khoản nợ riêng của ông C, ông T, đề nghị Tòa án không đưa các bà T, bà H vào tham gia tố tụng trong vụ án là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết ông T, ông C đều có mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và được Tòa án chấp nhận.

* Tại phiên toà Kiểm sát viên có quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 357; Điều 463; khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Xuân C số tiền 85.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi xuất quy định của pháp luật là 10%/năm (từ ngày 01/3/2021 dương lịch đến ngày 16/6/2022 dương lịch là ngày xét xử) là 10.974.775 đồng làm tròn số là 10.974.000đ (Mười triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông C được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn là ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã Văn Bán, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và bản tự khai của các đương sự trong quá trình giải quyết, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ áp dụng trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc T hợp vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi xuất: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi xuất từ 20%/năm xuống còn 10%/năm theo quy định pháp luật là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất của nguyên đơn.

- Nguyên đơn ông Lưu Xuân C và bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Nội dung yêu cầu giải quyết của đương sự:

2.1. Về yêu cầu trả tiền gốc: Quá trình giải quyết ông Lưu Xuân C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông số tiền gốc là 85.000.000 đồng mà ông đã cho ông T vay vào ngày 06/01/2021. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông C đã cung cấp cho Tòa án “giấy biên nhận vay tiền mặt” nội dung do ông T viết và ký tại nhà ông C. Quá trình giải quyết tại Tòa án ông T thừa nhận có vay số tiền 85.000.000 đồng như ông C trình bày. Ngoài ra ông C và ông T đều trình bày khoản tiền mà ông C cho ông T vay là để giải quyết việc riêng của ông T nên đó là khoản tiền nợ riêng của ông T. Xác định khoản tiền vay trên là nợ riêng của ông T nên cần buộc ông T có trách nhiệm trả cho ông C là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thuộc T hợp không phải chứng minh. Xét thấy chứng cứ phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của ông C. Buộc ông T phải trả cho ông C tiền gốc là 85.000.000đ (Tám mươi năm triệu đồng).

2.2. Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại “Giấy biên nhận vay tiền mặt” do ông T viết ngày 06/01/2021, không thể hiện việc hai bên có thoả thuận về việc lãi. Tại đơn khởi kiện ông C yêu cầu ông T trả lãi cho ông 20%/năm nhưng trong quá trình giải quyết tại Tòa án thì ông C rút một phần yêu cầu về lãi xuất, theo đó ông yêu cầu ông T trả lãi cho ông kể từ tháng ngày 01/3/2021 đến khi Tòa án xét xử ngày 16/6/2022 là 15 tháng 14 ngày, lãi xuất 10%/năm = $0,833\%/tháng \times 85.000.000đ \times 15 \text{ tháng} = 10.974.755 \text{ đồng}$, được làm tròn là 10.974.000 đồng. Tại Tòa án ông T có quan điểm nhất trí trả lãi cho ông C theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc ông T trả tiền gốc và tiền lãi cho ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng

dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm; khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Như vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi mà ông C yêu cầu ông T phải trả cho ông số tiền là 95.974.000đ (Chín mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lưu Xuân C được chấp nhận nên buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu T bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

[2]. Về yêu cầu trả nợ tiền gốc và tiền lãi: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Xuân C. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Xuân C số tiền gốc là 85.000.000đ (Tám mươi năm triệu đồng); Tiền lãi (Tính từ ngày 01/3/2021 dương lịch đến ngày 16/6/2022 dương lịch) là: 10.974.000đ (Mười triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 95.974.000đ (Chín mươi năm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ T hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí: Buộc ông T phải nộp 4.798.700đ làm tròn là 4.798.000đ (Bốn triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lưu Xuân C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007772 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo